



“Việc làm bền vững” đã trở thành một hình mẫu hiện đại mang tính định hướng về một vòng đời công việc mà mọi người mong muốn. Việc làm bền vững bao gồm các cơ hội việc làm có năng suất, mang lại thu nhập hợp lý cho người lao động, đảm bảo an toàn tại nơi làm việc, an sinh xã hội cho gia đình người lao động, mang lại sự thịnh vượng đảm bảo cho sự phát triển cá nhân và hòa nhập cộng đồng, người lao động được tự do bày tỏ mối quan tâm, được tổ chức và tham gia vào các quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của mình, và bình đẳng trong cơ hội và đối xử cho cả nam và nữ. Khái niệm này được đặt trong sự hội tụ của **bốn nguyên tắc và quyền cơ bản trong công việc**: tự do lập hội và thương lượng tập thể; xóa bỏ hình thức lao động cưỡng bức, xóa bỏ lao động trẻ em, và không phân biệt đối xử<sup>1</sup>. Việc làm Bền vững cũng là hiện thân của cam kết thúc đẩy cơ hội có việc làm bền vững và năng suất cho cả phụ nữ và nam giới trong điều kiện tự do, bình đẳng, an toàn, thu nhập hợp lý, và nhân phẩm được tôn trọng.

Khái niệm **Các hình thức làm việc không chấp nhận được** đề cập các hình thức làm việc hay điều kiện làm việc đang tồn tại trong thế giới công việc mà phủ nhận các nguyên tắc và quyền cơ bản trong công việc, đe dọa cuộc sống, sức khỏe, tự do, nhân phẩm và an toàn của người lao động, và khiến các gia đình bị nghèo đói cùng cực kéo dài. Do vậy, **Các hình thức làm việc không chấp nhận được** phải được ưu tiên hành động để loại trừ. Việc giải quyết **Các hình thức làm việc không chấp nhận được** thừa nhận rằng do tính dễ bị tổn thương về mặt xã hội khiến cho một số nhóm người lao động có rủi ro cao hơn, cũng như thừa

nhận bối cảnh xã hội mà ở đó các hình thức làm việc này tồn tại. Các khía cạnh quan trọng của khái niệm **Các hình thức làm việc không chấp nhận được** bao gồm sự thiếu vắng của (i) sự toàn vẹn thân thể, (ii) phẩm giá con người, và (iii) sự nâng cao vị thế, và trao quyền.

Tham gia phỏng vấn sâu có 73 nam, nữ, người chuyển giới làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí nhạy cảm, ngoài đường phố hoặc làm tự; 22 chủ hoặc người quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm, dốt mỗi; 15 người đại diện chính quyền địa phương, hội đoàn thể và tổ chức xã hội dân sự ở Hà Nội, Hải Phòng, Khánh Hòa, Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

Mười cuộc thảo luận nhóm được tổ chức với khoảng 100 người lao động tình dục khác.

Ngoài ra, nghiên cứu này cũng bao gồm việc nghiên cứu tài liệu, cung cấp thông tin khái quát về hoạt động mại dâm ở Việt Nam, hội thảo tham vấn về bản dự thảo báo cáo, và các cuộc tham vấn với các chuyên gia độc lập.

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) tại Việt Nam đang làm việc với Chính phủ và các cơ quan đối tác khác nhằm cải thiện điều kiện làm việc của người lao động trong lĩnh vực dịch vụ giải trí, đặc biệt những người có khả năng tham gia hoạt động tình dục vì thương mại, hỗ trợ họ tiếp cận các dịch vụ bảo trợ xã hội, cũng như các dịch vụ dự phòng, chăm sóc và điều trị HIV.

<sup>1</sup>Tuyên bố 1998 của ILO

Hoạt động mại dâm có lịch sử lâu dài ở Việt Nam từ trước thời kỳ thuộc địa, tiếp tục trong thời chiến và giai đoạn thống nhất đất nước cho đến ngày hôm nay. Qua thời gian, kích thước và qui mô của ngành công nghiệp tình dục đã thay đổi để đáp ứng với sự thay đổi của tình hình xã hội và chính trị. Theo số liệu ước tính gần đây nhất, Việt Nam có khoảng 101,272 người lao động tình dục, trong đó có khoảng 72,000 phụ nữ. Hoạt động mại dâm xuất hiện rõ ràng nhất ở các thành phố lớn, và thường tập trung ở các địa điểm du lịch.

Nhằm hiểu rõ hơn hoạt động mại dâm từ góc nhìn về lao động, nghiên cứu này được thực hiện để tìm hiểu: cấu trúc và hoạt động của ngành công nghiệp tình dục tại Việt Nam; điều kiện làm việc trong khu vực này; đâu là các ứng phó phù hợp để giải quyết các đặc điểm không thể chấp nhận và các điều kiện làm việc mà vi phạm các nguyên tắc và quyền cơ bản trong công việc.

Các kết quả nghiên cứu được trình bày theo năm vấn đề quan tâm chính: (1) các quyền và nguyên tắc cơ bản trong công việc; (2) thực hành ở nơi làm việc, (3) điều kiện làm việc, (4) an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, và (5) an sinh xã hội.

### **1. Quyền và nguyên tắc cơ bản trong công việc**

#### Bình đẳng và không phân biệt đối xử

Hầu hết những người lao động tình dục tham gia nghiên cứu đều có trải nghiệm bị kỳ thị và phân biệt đối xử từ công an, những chủ thể có trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ quyền của người dân, gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, những cơ sở cung cấp dịch vụ y tế là nơi mà họ hay gặp vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử nhất.

Nữ lao động tình dục cho biết họ bị đối xử tệ không chỉ vì họ tham gia vào công việc bán dâm, mà rộng hơn nữa là do những phán xét của xã hội khi họ là những phụ nữ đơn thân,

độc lập, không tuân theo những khuôn mẫu xã hội đặt ra, và/hoặc dựa trên những giả định về việc họ có thể liên quan tới các vấn đề sức khỏe mà bị xã hội kỳ thị, ma túy, hoặc tội phạm. Tương tự, người chuyển giới làm nghề bán dâm cho biết họ phải nghe những lời dèm pha, khinh miệt trong cộng đồng nơi họ sống chủ yếu là do sự thể hiện đặc điểm giới và xu hướng tình dục của bản thân. Nam giới tham gia nghiên cứu cho biết họ có thể che giấu việc họ không tham gia lao động tình dục, nhưng họ tin rằng nếu người khác biết công việc họ làm, họ cũng sẽ bị gia đình và cộng đồng coi thường và xa lánh.

#### Lao động cưỡng bức

Việc bị lừa để tham gia bán dâm là ít gặp và không người lao động tình dục nào trong nhóm nghiên cứu cho biết họ bị bắt buộc phải trả tiền thế chân hoặc bị ràng buộc bởi mắc nợ với chủ. Tuy nhiên, người làm việc tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ bị chủ kiểm soát việc đi lại thông qua nhiều biện pháp khác nhau nhằm hạn chế khả năng người lao động đến làm việc cho cơ sở khác, giảm thiểu sự hữu hình của họ trong cộng đồng địa phương, hạn chế khả năng họ tự tìm kiếm khách hàng riêng, để làm việc nhiều giờ hơn hoặc cung cấp các dịch vụ mà nếu không hạn chế đi lại họ có thể từ chối.

Bạo lực và sự sợ hãi bị bạo lực xảy ra ở mọi loại hình nơi làm việc và với hầu hết những người lao động tình dục tham gia nghiên cứu. Đường phố là nơi làm việc mà người bán dâm dễ bị bạo lực nhất và phụ nữ là nhóm dễ có khả năng bị bạo lực nhất. Nam giới và phụ nữ cho rằng chủ sử dụng lao động là một trong những người hay gây bạo lực nhất với họ tại nơi làm việc, với hình thức bạo lực phổ biến nhất là bạo lực qua lời nói dưới dạng chửi mắng hoặc sỉ nhục, bạo lực thân thể và đôi khi bị yêu cầu quan hệ tình dục với chủ mà không được trả tiền nhằm được đảm bảo công việc hoặc như là một hình thức trừng phạt.

Tất cả nam hành nghề mại dâm sống tại nơi làm việc đều bị chủ giữ giấy tờ tùy thân, trong

khi chỉ một nam bán dâm và một nữ không sống ở cơ sở là bị yêu cầu để lại giấy tờ tùy thân ở cơ sở. Chủ cơ sở và người quản lý cho rằng họ cần giấy tờ tùy thân để trình báo khi công an kiểm tra; người lao động cho rằng hành động này là để kiểm soát họ tốt hơn. Người lao động tình dục cho rằng phạt tiền là một qui tắc trong lĩnh vực này. Họ có thể bị phạt tiền vì ở ngoài nơi làm việc qua đêm, hoặc khi quay về muộn hơn giờ nghỉ quy định, hoặc vắng mặt khi khách hàng gọi.

### Lao động trẻ em

Không có người bán dâm nào trong nhóm nghiên cứu dưới 18 tuổi ở thời điểm họ được phỏng vấn. Tuy nhiên, sáu phụ nữ và hai người chuyển giới cho biết khi bắt đầu tham gia bán dâm, họ dưới 18 tuổi (từ 15 tới 17 tuổi). Người lao động tình dục cho rằng lý do không thấy nhiều trẻ em bán dâm (trong mẫu nghiên cứu) là bởi vì họ bị che giấu trong các cơ sở nơi mà người chủ, và trong một số trường hợp, có cả cán bộ chính quyền địa phương thông đồng để che giấu họ.

### Tự do lập hội và thương lượng tập thể

Mại dâm là bất hợp pháp ở Việt Nam và các chính sách quản lý mại dâm bắt rễ từ hệ tư tưởng cho rằng việc mua bán dâm và người bán dâm là “tệ nạn xã hội”. Do vậy, không có khuôn khổ pháp lý hoặc khuôn khổ ngành nào cho phép người hành nghề mại dâm thực hiện các quyền lao động của mình, hoặc hành động tập thể để có những cải thiện về tiền công hoặc điều kiện làm việc. Tương tự, theo pháp luật quản lý tổ chức xã hội dân sự, người hành nghề mại dâm không thể thành lập các nhóm, tổ chức của mình mà có tư cách pháp lý và được có tiếng nói chính thức trong quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, trong giới hạn của hệ thống pháp luật hiện tại, những người hoạt động tích cực trong những năm gần đây đã tạo ra những thay đổi. Mạng lưới người lao động tình dục tại Việt Nam (Vietnam Network of Sex Workers) được thành lập với khoảng 29 nhóm tự lực thành viên, cung cấp các dịch vụ

về sức khỏe, giảm hại và tái hòa nhập cộng đồng cho khoảng 4,800 người đã hoặc đang hành nghề mại dâm. Hơn nữa, những thay đổi về luật pháp và quản lý hành chính gần đây chấm dứt việc đưa người bán dâm vào các trung tâm giáo dục, phục hồi nhân phẩm và tăng cường một số sự bảo vệ pháp lý cho họ.

## **2. Thực hành nơi làm việc**

Chủ sử dụng lao động, người quản lý và người dắt mối thường tuyển dụng những người trẻ, mạnh khỏe, ưa nhìn, không có vấn đề với ma túy và biết cách giao tiếp với khách hàng. Người lao động thường tự tiếp cận chủ sử dụng lao động, do đã nghe nói đến cơ sở hay người quản lý cơ sở và khả năng kiếm được việc làm từ đó. Đôi khi, chủ cơ sở tiếp cận trực tiếp những người người bán dâm có kinh nghiệm và đề nghị họ làm việc cho mình. Nhiều thông báo tuyển dụng được dán trong các cơ sở hoặc trên trang web. Một người chủ cơ sở cho biết thường về quê để tuyển các cô gái trẻ cùng nhóm dân tộc thiểu số để làm việc tại cơ sở của mình.

Bảy mươi hai trong số 73 người bán dâm được phỏng vấn và tất cả, trừ một người, tham gia thảo luận nhóm cho rằng họ tự nguyện tham gia công việc bán dâm. Động cơ chính của họ liên quan tới trách nhiệm tài chính gia tăng, đặc biệt là với phụ nữ, khi họ thường là người kiếm tiền duy nhất, phải chịu trách nhiệm chăm sóc con cái, cha mẹ, anh chị em và bạn đời không có việc làm. Một số lựa chọn hành nghề mại dâm để kiếm tiền chi trả chi phí y tế của người thân. Một số khác bán dâm để có tiền mua ma túy (cho bản thân và/hoặc cho bạn đời). Một số coi việc bán dâm là một cách để thể hiện xu hướng tình dục cũng như để đáp ứng nhu cầu tình dục của họ. Một số khác coi việc bán dâm là một cách để được thụ hưởng cuộc sống, để kiếm tiền, được gặp gỡ nhiều người và được trải nghiệm phong cách sống mà nếu không làm công việc này họ sẽ không bao giờ có.

Không người nào có hợp đồng lao động mà đề cập tới nhiệm vụ của họ là lao động tình dục. Một người cho rằng hợp đồng trong lĩnh vực dịch vụ giải trí chỉ là “hợp đồng giả” – được sử dụng để đánh lừa cơ quan chức năng. Người hành nghề trong các cơ sở chỉ có thỏa thuận miệng với chủ sử dụng lao động về thời gian làm việc, dịch vụ cung cấp, địa điểm nơi hoạt động tình dục có thể/không thể diễn ra, giá khách hàng phải trả, phí quản lý và tiền phạt, tiền lương, chế độ nghỉ phép và trong trường hợp người lao động cư trú tại nơi làm việc thì kèm thêm các thỏa thuận về nơi ở. Người hành nghề ngoài đường phố và làm việc tự do có các thỏa thuận không chính thức với ma cô, bảo kê và người dắt mối, theo đó họ sẽ trả một khoản hoa hồng hoặc phí để được phép hành nghề an toàn tại một khu vực nhất định, được giới thiệu khách hàng, được chuyên chở và bảo vệ.

### 3. Điều kiện làm việc

Nghiên cứu này tìm hiểu một loạt các điều kiện làm việc, bao gồm 1/giờ làm việc, 2/ chế độ nghỉ phép và nghỉ giải lao, 3/khối lượng công việc và 4/tiền lương.

Làm việc nhiều tiếng đồng hồ khá phổ biến ở Việt Nam, và thường liên quan chặt chẽ tới mức tiền lương thấp hơn tiền lương đủ sống, đặc biệt đối với các công việc không đòi hỏi nhiều kỹ năng và trong khu vực kinh tế không chính thức. Trên thực tế, người bán dâm nhấn mạnh một trong những lợi thế trong công việc này là làm việc ít giờ hơn và thời gian linh hoạt hơn, giúp họ có thời gian cho các công việc khác. Trong khi thời gian linh hoạt và tốt hơn các lựa chọn khác mà họ có thể có, người hành nghề mại dâm toàn thời gian thường làm việc 10-12 tiếng/ngày. Những người hành nghề mại dâm bán thời gian, tức là vừa bán dâm vừa làm các việc khác, điều chỉnh thời gian hoạt động mại dâm để phù hợp với các công việc khác, với việc học, và cuộc sống của họ. Chủ cơ sở, người quản lý và người dắt mối cho rằng làm việc thời gian dài là có thể chấp nhận được và trên quan điểm của họ, thời

gian để chờ khách hàng không phải là thời gian làm việc.

Những người lao động tự do tự quyết định khi nào nghỉ ngơi hay nghỉ làm, trong khi người làm trong các cơ sở chỉ có thể nghỉ phép khi được sự đồng ý của chủ – thường là từ một tới ba ngày mỗi lần nghỉ. Khi nghỉ phép, hầu như không ai được nhận bất cứ khoản thu nhập hay quyền lợi nào. Hai người làm việc ở cơ sở cho biết họ phải trả tiền cho chủ cơ sở nếu họ nghỉ phép, để đền bù cho chủ khoản thu nhập bị mất vì không có họ làm việc. Nếu nghỉ mà không có sự đồng ý của chủ có thể dẫn tới bị phạt tiền, bị trừ lương, hoặc sa thải.

Người lao động trong các cơ sở có số khách hàng trung bình mỗi ngày nhiều nhất. Với nữ, họ có thể có từ 6 tới 10 khách một ngày và ngày đông nhất có thể tới 30 khách hàng. Với nam, trung bình họ có thể tiếp trong khoảng 3 tới 5 khách một ngày, và số khách nhiều nhất mà họ có thể tiếp trong một ngày là khoảng 10 người. Người bán dâm làm ngoài đường phố hoặc người bán dâm tự do trung bình có khoảng 5 khách một ngày.

Hầu hết người lao động tình dục kiếm được nhiều hơn mức tiền lương tối thiểu và cao hơn mức tiền lương sống tối thiểu. Nữ lao động tình dục bán thời gian có xu hướng tính phí khách hàng cao hơn so với người bán dâm toàn thời gian, tuy nhiên tổng thu nhập hàng tháng của họ gần như nhau. Người bán dâm đường phố có thu nhập hàng tháng ít hơn.

### 4. An toàn, sức khỏe nghề nghiệp

Có sự khác nhau rất lớn về điều kiện cơ sở vật chất tại nơi người lao động tình dục làm việc, nơi mà tình dục được thương lượng và mua bán. Một bên là những địa điểm công cộng, nhà thổ trá hình, quán cà phê, nhà hàng, quán karaoke, cơ sở mát-xa rẻ tiền với khách hàng thường là người lao động và người dân địa phương với thu nhập thấp. Còn bên kia với điều kiện cơ sở vật chất tốt hơn là những quầy bar, vũ trường, spa, cơ sở mát-xa và nhà

hàng sang trọng với khách hàng có khả năng chi trả cao hơn.

Nhà thổ trá hình là nơi có điều kiện cơ sở vật chất tồi tệ nhất, nơi mà những người được phỏng vấn phàn nàn về sự bẩn thỉu, chật chội, nóng bức, không có chỗ nghỉ ngơi và cảm thấy lo lắng cho về vấn đề an ninh và an toàn cho bản thân. Người bán dâm đường phố cảm thấy không an toàn, lo lắng về ô nhiễm không khí, mật độ xe cộ đông đúc, và các rủi ro khi làm việc nơi công cộng cùng với những người buôn bán, sử dụng ma túy, thường gặp nguy cơ bị cảnh sát truy bắt, và nỗi sợ hãi thường trực về trộm cắp và bạo lực từ những kẻ lưu manh đường phố.

Nhìn chung, nam lao động tình dục cho biết họ cảm thấy sức khỏe của họ bình thường, không bị bệnh gì nghiêm trọng. Hầu hết lao động chuyển giới cho rằng sức khỏe của họ không thay đổi do công việc bán dâm và nhìn chung là tốt. Tuy nhiên, khoảng hai phần ba số nữ lao động tình dục cho biết họ cảm thấy sức khỏe yếu đi sau khi tham gia hoạt động bán dâm, và liệt kê một loạt các vấn đề sức khỏe về tâm lý, thể chất và cả sang chấn. Chỉ có hai nữ lao động tình dục cảm thấy sức khỏe của họ tốt hơn so với trước khi làm công việc bán dâm do họ giải quyết được vấn đề ly hôn và trở nên độc lập hơn về kinh tế.

Lậu và viêm da vùng sinh dục và hậu môn là các vấn đề sức khỏe liên quan tới công việc hàng ngày của họ, cùng với những câu chuyện về việc sử dụng ma túy, có HIV và/hoặc bị viêm gan C trong nhóm đồng nghiệp.

Chủ cơ sở, người quản lý và người dặt mối cho biết HIV là rủi ro sức khỏe lớn nhất mà người hành nghề và cơ sở của họ phải đối mặt. Để bảo vệ người lao động của mình và danh tiếng của cơ sở, một số chủ cơ sở có hành động để giảm nhẹ nguy cơ nhiễm HIV bằng cách cung cấp thông tin cho nhân viên, bao cao su và chất bôi trơn, khuyến khích nhân viên kiểm tra sức khỏe thường xuyên và có can thiệp đối với những khách hàng khó thuyết phục.

Hơn một nửa nữ lao động tình dục cho biết họ có làm xét nghiệm HIV gần đây – nhưng chỉ sáu trong số họ xét nghiệm thường xuyên. Trong số những người đã làm xét nghiệm, khoảng một phần ba cho biết họ dương tính với HIV, và ba trong số này đang điều trị với thuốc ARV. Hầu hết người chuyển giới tham gia nghiên cứu đều có làm xét nghiệm và một số xét nghiệm định kỳ, dù không ai chia sẻ về kết quả xét nghiệm của mình với nhóm nghiên cứu. Hầu hết nam lao động tình dục có làm xét nghiệm HIV gần đây; tuy nhiên, trong số những người xét nghiệm, khoảng một phần ba cho biết họ có kết quả âm tính. Khoảng một nửa số người trao đổi không cho biết kết quả xét nghiệm cũng không quay lại cơ sở y tế lấy kết quả sau xét nghiệm.

Nhìn chung, tỉ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên là thấp, nhất là trong bối cảnh những người phỏng vấn là những người dễ tiếp cận và có sử dụng một vài dịch vụ tiếp cận cộng đồng và HIV của các đồng đảng viên. Nữ lao động tình dục cho biết họ có dành thời gian để giải thích với khách hàng về lợi ích của việc dùng bao cao su và yêu cầu họ sử dụng; tuy nhiên, chỉ một phần ba từ chối cung cấp dịch vụ nếu khách hàng không đồng ý. Phần lớn nam giới và hầu hết trừ một người chuyển giới cho biết họ luôn yêu cầu khách hàng sử dụng bao cao su và từ chối dịch vụ nếu khách hàng không đồng ý.

Theo ý kiến của nữ lao động tình dục, các yếu tố ảnh hưởng trong việc thương thuyết với khách hàng sử dụng bao cao su bao gồm: khả năng thuyết phục khách hàng say rượu hoặc khách hàng bị ảnh hưởng bởi ma túy, thường là do sợ bị bạo lực nếu từ chối họ; lý do về tài chính - khi khách hàng đề nghị trả thêm tiền để quan hệ tình dục không dùng bao cao su; kiến thức – cam kết sử dụng bao cao su thường chỉ đi kèm với nhận thức và trình độ giáo dục của người hành nghề; môi trường làm việc hỗ trợ - những cơ sở kinh doanh dịch vụ có những nguyên tắc và qui định khuyến khích hoặc ngăn cản người hành nghề mại dâm trong việc sử dụng bao cao su; sự tin

tưởng với khách hàng thường xuyên và bạn tình; và việc biết tình trạng nhiễm HIV của bản thân.

Những người bán dâm có sử dụng ma túy cho biết ma túy giúp họ làm việc lâu hơn và phục vụ được nhiều khách hàng hơn. Một số uống rượu bia hoặc dùng ma túy với khách hàng để chiều lòng họ. Với một số người, sử dụng ma túy là tiền đề dẫn tới việc bán dâm trong khi một số người khác lại sử dụng ma túy sau khi tham gia ngành công nghiệp tình dục.

Hầu hết người chuyển giới cho biết họ không sử dụng loại ma túy nào, và gần như tất cả những nam bán dâm khẳng định họ không nghiện rượu hay ma túy. Ngược lại, một tỉ lệ cao hơn ở nữ lao động tình dục tham gia nghiên cứu cho biết họ đã từng hoặc đang sử dụng ma túy – hai người đang điều trị nghiện bằng liệu pháp methadone.

Bạo lực với người lao động tình dục tham gia nghiên cứu này là phổ biến – xảy ra ở mọi nơi làm việc và với hầu hết những người bán dâm. Đường phố là nơi làm việc nguy hiểm nhất, và phụ nữ là nhóm có nguy cơ bị bạo lực nhiều nhất. Các cơ sở kinh doanh cũng có hành động bảo vệ nhân viên khỏi bạo lực nhưng không loại trừ được hoàn toàn và mức độ bảo vệ giữa các cơ sở là không giống nhau. Thậm chí trong các cơ sở, người lao động cũng vẫn phải chịu bạo lực thân thể và bạo lực tình dục cũng như các hình thức ngược đãi khác từ người chủ, khách hàng, công an và cán bộ chính quyền khác.

Nguy cơ bị bạo lực lớn nhất thường đến từ khách hàng đặc biệt là khách hàng say rượu hoặc dùng ma túy, môi giới và chủ sử dụng lao động, công an, và cán bộ chính quyền địa phương. Ngoài ra, họ còn thường bị bạo lực từ những kẻ lưu manh đường phố, côn đồ, người sử dụng ma túy, người cho vay tiền, và bạn tình.

Người bán dâm mô tả một loạt hình thức bạo lực và ngược đãi, bao gồm: bạo lực bằng lời

nói – bị đe dọa, nhục mạ; bạo lực thân thể - bị bắt phải uống rượu, bị đánh, tát, bị đấm; bạo lực tình dục – bao gồm bị ép phải chấp nhận các hành vi tình dục thô lỗ, bạo lực và mang tính hạ nhục, quan hệ tình dục không có bao cao su, bị khách hàng giữ lại lâu hơn thời gian thỏa thuận mà không trả thêm tiền, bị hiếp dâm tập thể, bị bắt quan hệ tình dục để đổi lấy công việc hoặc như là hình thức phạt; bạo lực về kinh tế - khách hàng từ chối trả tiền hay trả ít hơn qui định, bị lấy tài sản, phải nộp các khoản phạt không công bằng hoặc sai trái.

## 5. An sinh xã hội

Nghiên cứu này tìm hiểu việc sử dụng các dịch vụ y tế, tiếp cận bảo hiểm y tế và tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý.

Người chuyển giới cho biết thường xuyên tiếp cận dịch vụ tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và tích cực trong việc giữ gìn sức khỏe. Tuy nhiên nhìn chung, việc sử dụng dịch vụ y tế ở cả nam và nữ còn tương đối thấp, chỉ một phần nhỏ thường xuyên sử dụng dịch vụ y tế. Hầu hết chỉ sử dụng dịch vụ y tế khi mà họ có những vấn đề về sức khỏe. Mặc dù có ít thông tin từ các cuộc phỏng vấn, dường như phần lớn họ tự điều trị các bệnh hay gặp, như bệnh lậu, bằng cách mua thuốc ở nhà thuốc địa phương.

Bao phủ Bảo hiểm y tế là khá thấp trong tất cả các nhóm người lao động phi chính thức ở Việt Nam vì họ nghĩ nó có giá trị sử dụng thấp và do một số rào cản khác trong việc tiếp cận. Tỉ lệ này cũng thấp trong mẫu của nghiên cứu này khi chỉ với một số ít có bảo hiểm y tế. Trong số này, chỉ có một người tự mua bảo hiểm. Còn lại, ba người được bố mẹ chi trả, một người mua bảo hiểm do nhà trường yêu cầu, và hai người được nhà nước chi trả bảo hiểm theo diện hộ nghèo.

Hỗ trợ pháp lý khá hạn chế khi mà quan điểm tệ nạn xã hội làm cho sự kỳ thị được duy trì trong xã hội cùng với các chính sách tội phạm hóa mại dâm đã khuyến khích các hành vi

phân biệt đối xử, bạo lực, lạm dụng và tham nhũng. Việc người hành nghề mại dâm tìm kiếm sự trợ giúp pháp lý có thể khiến họ gặp nguy cơ bị sỉ nhục, mạt sát ở nơi công cộng, bị quấy rối và có thể bị phạt hành chính nếu người thi hành công vụ phát hiện họ là người bán dâm.

Người lao động tình dục, chủ cơ sở, người quản lý và người môi giới cho biết sự bảo vệ lớn nhất cho công việc của họ nằm trong mối quan hệ mà họ xây dựng với cán bộ chính quyền địa phương và công an, bao gồm cả việc trả tiền hối lộ, mời họ đi ăn uống, cho họ quan hệ tình dục miễn phí hay thông báo cho họ khi có nhân viên mới để họ có thể là người đầu tiên được nhân viên mới phục vụ.

Người lao động tình dục cảm thấy rằng luật xử phạt vi phạm hành chính là một bước cải tiến, dù rằng không phải là hoàn hảo do vẫn có tình trạng phạt nặng, và tiếp tay cho sự tham nhũng và lạm dụng. Hầu hết số người lao động không nhận thức được quyền của mình trong hệ thống pháp luật hiện hành.

## 6. Khuyến nghị

Để bắt đầu khắc phục tác hại của quan điểm “tệ nạn xã hội” bấy lâu nay, các đối tác ba bên (chính phủ, tổ chức đại diện người lao động và đại diện người sử dụng lao động) cần:

1. Tái cấu trúc các tranh luận công khai về hoạt động mại dâm bằng cách đưa ra những diễn giải dựa trên quyền, đồng thời nâng cao nhận thức về tác hại của quan điểm tệ nạn xã hội đối với người hành nghề mại dâm và với cộng đồng nói chung.
2. Nghiên cứu những phương pháp tiếp cận thực tiễn và dựa trên bằng chứng khi xây dựng quy định và trong quản lý hoạt động mại dâm, hướng tới bảo vệ người hành nghề mại dâm khỏi sự kỳ thị, phân biệt đối xử và quấy rối do quy định pháp luật và cộng đồng gây ra.

Với thực tế là phần lớn hoạt động mại dâm liên quan đến ngành dịch vụ giải trí và du lịch, và nhiều thực hành nơi làm việc xảy ra không chỉ với người bán dâm mà còn với người hoạt động trong ngành dịch vụ giải trí, các đối tác ba bên cần:

3. Hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức xác định các thực hành tốt tại nơi làm việc - làm cơ sở để bắt đầu đối thoại về việc xây dựng những tiêu chuẩn việc làm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí ở Việt Nam.
4. Tập huấn và hỗ trợ các đơn vị thanh tra lao động để họ hiểu và khuyến khích các tiêu chuẩn thực hành tốt tại nơi làm việc trong những cơ sở giải trí, để bắt đầu cải thiện một số quyền và điều kiện tại nơi làm việc cho người lao động và cho công chúng sử dụng dịch vụ tại những cơ sở này.
5. Xây dựng một chiến lược để mở rộng quyền được lập hội của người lao động trong ngành giải trí, để tổ chức, thương lượng các thỏa thuận tại nơi làm việc và cải thiện tiêu chuẩn của ngành.

Trong nhiều trường hợp, người bán dâm – đặc biệt là phụ nữ và nhóm tính dục thiểu số - bị quấy rối do những định kiến về vai trò giới và bất bình đẳng giới, do đó các đối tác ba bên cần:

6. Nâng cao sự hiểu biết và nhận thức về tác động tiêu cực của định kiến về vai trò giới giữa nam và nữ trong công việc.
7. Trong nhóm đối tác ba bên, cần xây dựng sự hiểu biết về tầm quan trọng của tiền lương công bằng và bình đẳng về tiền lương – đây là bước quan trọng đầu tiên để giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương của người lao động, đặc biệt là phụ nữ.

Mặc dù hoạt động mại dâm là bất hợp pháp, người bán dâm có thể giải quyết những kỳ thị,

phân biệt đối xử, quấy rối và bạo lực mức độ cao tại nơi làm việc cũng như trong cộng đồng thông qua hành động tập thể. Các đối tác ba bên cần:

8. Tăng cường năng lực của các tổ chức dựa vào cộng đồng để họ có thể đại diện hiệu quả cho người bán dâm, bảo vệ quyền của họ và cải thiện các điều kiện làm việc trong lĩnh vực này cũng như tại nơi làm việc nói chung.
9. Giúp Mạng lưới Hỗ trợ Người lao động tình dục Việt Nam (VNSW) và các nhóm khác của người bán dâm xây dựng và vận động chính sách về các tiêu chuẩn trong lĩnh vực liên quan tới mại dâm. Mặc dù không ràng buộc về mặt pháp lý, quá trình xây dựng những tiêu chuẩn này sẽ tạo cơ hội để người lao động tình dục và người sử dụng lao động cân nhắc và làm rõ các tiêu chuẩn tại nơi làm việc.

Người hành nghề mại dâm trong nghiên cứu này thể hiện họ có hiểu biết tốt và cam kết sử dụng bao cao su. Tuy nhiên, có những yếu tố ngoài sự kiểm soát của họ - liên quan đến văn hóa và các thực hành nơi làm việc – làm hạn chế khả năng họ có thể duy trì việc sử dụng bao cao su với khách hàng của mình. Các đối tác ba bên cần:

10. Thực hiện nghiên cứu tại những nơi làm việc có tần suất sử dụng bao cao su cao để hiểu yếu tố nào tại nơi làm việc đã tạo điều kiện và thúc đẩy việc duy trì sử dụng bao cao su – chia sẻ, khuyến khích các thực hành thành công và mang tính bảo vệ ở những nơi làm việc khác.

An sinh xã hội cho người bán dâm bị hạn chế bởi một số rào cản trong tiếp cận, ví dụ các dịch vụ tại những địa điểm cố định và chi phí

cao cho chất lượng tốt, đồng thời còn bao gồm sự phân biệt đối xử và quấy rối mà người bán dâm trải qua khi tiếp xúc với đơn vị cung cấp dịch vụ, đặc biệt là y tế, công an và các dịch vụ bảo trợ khác. Để giải quyết những vấn đề này, các đối tác ba bên cần:

11. Trực tiếp đối mặt với tư tưởng liên quan đến những diễn giải về tệ nạn xã hội vì đây chính là yếu tố tạo ra sự phân biệt đối xử được thể chế hóa với người bán dâm, đặc biệt là trong các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế và công an.
12. Hỗ trợ nỗ lực của các tổ chức dựa vào cộng đồng nhằm giúp nâng cao năng lực của người bán dâm để tái định hướng việc cung cấp dịch vụ và tăng cường tiếp cận các dịch vụ xã hội – bao gồm dịch vụ y tế và trợ giúp pháp lý.
13. Nghiên cứu các cách thức để hỗ trợ những nỗ lực thúc đẩy các giải pháp chống tham nhũng tại địa phương, nhằm đảm bảo các đơn vị có nhiệm vụ tôn trọng và bảo vệ quyền sẽ có năng lực để hoàn thành trách nhiệm bảo vệ mọi người lao động Việt Nam, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương nhất, bao gồm cả người bán dâm.

**Thông tin liên hệ**

Văn phòng ILO tại Việt Nam  
 48-50 Nguyễn Thái Học, Hà Nội, Việt Nam  
 Tel: (84-4) 3734 0907  
 Website: [www.ilo.org/hanoi](http://www.ilo.org/hanoi)  
 Facebook: [www.facebook.com/Vietnam.ILO/](https://www.facebook.com/Vietnam.ILO/)

*Dự án HIV và Các nhóm dễ bị tổn thương*

Phạm Thị Thanh Huyền  
 Điều phối viên quốc gia  
 Email: [thanhhuyen@ilo.org](mailto:thanhhuyen@ilo.org)